

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2025/KDTM-ST
Ngày 03-9-2025
Về: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Danh
2. Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2025/TLST – KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX – ST ngày 29-7-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-ST ngày 15-8-2025 giữa các bên:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần B1 (sau đây gọi tắt là: Công ty B1); địa chỉ: Đường H, khu phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Giám đốc công ty.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Viết B, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: Cảng nội địa Đ, đường H, khu phố L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền ngày 15/7/2025. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ Phần Đ (sau đây gọi tắt là: Công ty Đ); địa chỉ: Số B B, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Bình T1 – Giám đốc. Điện thoại: 0908.902.079. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2025, ngày 15/7/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Đỗ Viết B (đại diện Công ty cổ phần B1) trình bày: Ngày 11/8/2020, Công ty cổ phần B1 (bên bán) và Công ty cổ phần Đ (bên mua) đã ký kết hợp đồng kinh tế số: 60/2020/HĐKT, về cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình tại xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) cho Công ty Cổ Phần Đ1

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty Cổ Phần B1 đã cấp bê tông thương phẩm cho Công ty Cổ Phần Đ và xuất các hóa đơn GTGT làm cơ sở thanh toán, với tổng bê tông thương phẩm đã cung cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 1.686.833.954 đồng. Tính đến hết ngày 05/5/2025, Công ty cổ phần Đ đã thanh toán cho Công ty cổ phần B1 với tổng số tiền là: 1.431.575.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 255.258.954 đồng. Sau nhiều lần liên hệ làm việc yêu Công ty cổ phần Đ2 số tiền còn lại nhưng Công ty P hợp tác.

Tại Tòa ông B yêu cầu: Buộc Công ty Cổ Phần Đ2 một lần toàn bộ số tiền nợ cho Công ty Cổ Phần B2 nợ gốc: 255.258.954 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 1.5%/tháng tạm tính đến ngày 03/9/2025 số tiền: 165.499.501 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là: 420.758.455 đồng.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Phan Bình T1 là đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Đ3 Toà giải quyết về số nợ do Công ty cổ phần B1 yêu cầu phải trả nhưng ông Phan Bình T1 là đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Đ4 không có lý do và không cử người đại diện hợp pháp để tham gia giải quyết vụ án nên không xác định rõ yêu cầu.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:
 - + Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.
 - + Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - + Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 420.758.455 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần B1 yêu cầu Công ty cổ phần Đ5 thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế số: 60/2020/HĐKT, về cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình tại xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) đã ký kết giữa hai bên. Xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Bình T1 – Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Công ty cổ phần B1 được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 02-4-2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 06-3-2025 với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao... Ngày 11 tháng 8 năm 2020, Công ty cổ phần B1 và Công ty cổ phần Đ6 hợp đồng số: 60/2020/HĐKT về mua bán bê tông thương phẩm. Sau khi ký hợp đồng Công ty B1 đã cung cấp bê tông mác 250/R28 (khối lượng thực tế) và giá cả theo thỏa thuận tại Điều 1 hợp đồng, hết thời hạn 1 tháng thì công ty B1 lập bảng tổng hợp khối lượng, giá trị giao cho công ty P1 xác nhận, sau khi công ty P1 xác nhận thì công ty B1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng và công ty Đ thanh toán tiền cho công ty B1 theo thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng. Bằng hình thức trên công ty B1 cung cấp bê tông và công ty Đ thanh toán cho đến tháng 5/2021 công ty P thanh toán nữa nên công ty P2 nợ lại công ty B1 số tiền của hóa đơn giá trị gia tăng số 0000315 ngày 31/5/2021 và năm 2022, công ty B1 cung cấp bê tông thương phẩm cho công ty P3 3 tháng nữa theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 000092 ngày 28/3/2022, số 0001014 ngày 21/4/2022, số 0000010 ngày 25/5/2022. Đến ngày 31/7/2024, hai công ty lập biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, công ty P4 còn nợ công ty B1 số tiền của 04 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên với số tiền: 255.258.954 đồng. Đến ngày 20/8/2024, Công ty P5 cho công ty B1 bản cam kết trả nợ, hẹn trả số nợ trên 02 đợt, đợt 1 số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 10/9/2024, đợt 2 trả hết số tiền còn lại vào đầu tháng 1/2024 nhưng công ty Đ vẫn không thực hiện theo cam kết. Vào ngày 10/12/2024, công ty Đ tiếp tục gia hạn trả nợ như sau: đợt 1 trả số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 31/12/2024, đợt 2 trả số tiền còn lại trước ngày 31/01/2025 nhưng đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Phiếu báo phát ngày 09 tháng 7 năm 2025 và ngày 22/7/2027) nhưng Công ty Đ không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, tài liệu do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ của vụ án nên yêu cầu trả số tiền nợ gốc: 255.258.954 đồng + 165.499.501 đồng (lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền 255.258.954 đồng chậm trả) = 420.758.455 đồng có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty B1 được chấp nhận nên Công ty Đ phải nộp 20.830.338 đồng được tính như sau (420.758.455 đồng x 5%). Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty B1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30 và Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 và 50 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B1 đối với Công ty cổ phần Đ1

Buộc Công ty cổ phần Đ5 trả cho Công ty cổ phần B1 số tiền: 420.758.455đ (Bốn trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Đ phải nộp 20.830.338đ (Hai mươi triệu tám trăm ba mươi ngàn ba trăm ba mươi tám đồng).

- Hoàn số tiền: 10.110.537đ (Mười triệu một trăm mười ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) cho Công ty cổ phần B1 theo Biên lai thu tạm ứng số 0003960 ngày 06-6-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện KS ND khu vực 13-Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ./.

Võ Thị Thanh Trúc

∴ .

